

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức mua sắm hoá chất xét nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định

Địa chỉ: Đường Phù Nghĩa, P. Lộc Hạ, TP. Nam Định

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Bùi Thị Thu Hà

Trưởng Khoa Dược – TTBYT – KSNK

ĐT: 0915115504

Email: hathuy11.5@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Đơn vị tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định, Đường Phù Nghĩa, P. Lộc Hạ, TP. Nam Định

- Nhận qua email: hathuy11.5@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ thời điểm đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đến trước 17h00 ngày 15 tháng 07 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 15 tháng 07 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hoá chất xét nghiệm sinh hoá.

STT	Danh mục hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GLUCOSE	Dùng để chẩn đoán định lượng Glucose trong máu. Thành phần Hóa chất R1: Phosphate buffer: 250 mmol/l; Glucose oxidase > 25 U/ml; Peroxidase > 2 U/ml; Phenol: 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine: 0.5 mmol/l Thể tích ≥ 440ml/Hộp	26	Hộp
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol	Thành phần Hóa chất R1: MES buffer (pH 6.5): 6.5 mmol/l TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline: 3 mmol/l Polyvinyl sulfonic acid: 50 mg/l Polyethylene-glycol-methyl ester: 30 ml/l MgCl2: 2 mmol/l Thành phần Hóa chất R2: MES buffer (pH 6.5): 50 mmol/l Cholesterol esterase: 5 kU/l Cholesterol oxidase: 20 kU/l Peroxidase: 5 kU/l 4-aminoantipyrine: 0.9 g/l Detergent: 0.5 % Thể tích: (R1: ≥ 120ml+ R2: ≥ 40ml)/Hộp	42	Hộp
3	Thuốc thử định lượng nồng độ LDL-Cholesterol	Thành phần Hóa chất R1: MES buffer (pH 6.5): 50 mmol/l Polyvinylsulfonic acid: 50 mg/l Polyethyleneglycolmethylester: 30 ml/l 4-aminoantipyrine: 0.9 g/l Cholesterol esterase: 5 kU/l Cholesterol oxidase: 20 kU/l Peroxidase: 5 kU/l Detergent Thành phần Hóa chất R2: MES buffer (pH 6.5): 50 mmol/l Detergent TODB N,N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline: 3 mmol/l Thể tích: (R1: ≥ 60ml+ R2: ≥ 20ml)/Hộp	84	Hộp
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng URIC ACID	Thành phần Hóa chất R1: Pipes Buffer (pH 7.0): 50 mmol/l DHBS: 0.50 mmol/l Uricase: ≥ 0.32 kU/l Peroxidase: ≥ 1.0 kU/l 4-Aminoantipyrine: 0.31 mmol/l Thành phần Hóa chất R2: standard: See bottle label Thể tích ≥ 440ml/Hộp	3	Hộp
5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng UREA	Thành phần Hóa chất R1: Tris Buffer : 100 mmol/l α-Ketoglutarate: 5.49 mmol/l Urease (Jack Bean): ≥ 10 KU/l GLDH (Microorganism): ≥ 3.8 KU/l Thành phần Hóa chất R2: NADH: 1.66 mmol/l. Thể tích: (R1: ≥ 220ml+ R2: ≥ 55ml)/Hộp	42	Hộp

6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST/GOT	<p>Thành phần Hóa chất R1: Tris Buffer (pH 7.8): 110 mmol/l L-Aspartic acid: 340 mmol/l LDH: ≥ 4000 U/l MDH: ≥ 750 U/l</p> <p>Thành phần Hóa chất R2: CAPSO: 20 mmol/l 2-oxoglutarate: 85 mmol /l NADH: 1.05 mmol/l</p> <p>Thể tích: (R1: ≥ 264ml+ R2: ≥ 66ml)/Hộp</p>	35	Hộp
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT/GPT	<p>Thành phần Hóa chất R1: Tris Buffer (pH 7.5): 137.5 mmol/l L-Alanine: 709 mmol/l LDH (microbial): ≥ 2000 U/l</p> <p>Thành phần Hóa chất R2: CAPSO: 20 mmol/l 2-oxoglutarate: 85 mmol /l NADH: 1.05 mmol/l</p> <p>Thể tích: (R1: ≥ 264ml+ R2: ≥ 66ml)/Hộp</p>	35	Hộp
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TRIGLYCERIDES	<p>Thành phần chính: Good's buffer (pH 7,2): 50 mmol/l 4-Chlorophenol: 4 mmol/l Mg 2+ : 15 mmol/l ATP: 2 mmol/l Glycerolkinase: $\geq 0,4$ KU/l Peroxidase: $\geq 2,0$ KU/l Lipoproteinlipase: $\geq 2,0$ KU/l Glycerol-3-phosphate-Oxidase: $\geq 0,5$ KU/l 4-Aminoantipyrine: 0,5 mmol/l.</p> <p>Thể tích ≥ 440ml/Hộp</p>	13	Hộp
9	Hóa chất rửa máy sinh hóa	<p>Dung dịch rửa đậm đặc. Thành phần: có chứa natri hydroxit (contains sodium hydroxide)</p> <p>Thể tích ≥ 400ml/Hộp</p>	96	Hộp
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CHOLESTEROL	<p>Thành phần chính: Good's Buffer: 50 mmol/l Phenol: 5 mmol/l 4-aminoantipyrine: 0.3 mmol/l Cholesterol esterase: ≥ 200 U/l Cholesterol oxidase: ≥ 50 U/l Peroxidase: ≥ 3 kU/l.</p> <p>Thể tích ≥ 440ml/Hộp</p>	13	Hộp
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin	<p>Dùng để chẩn đoán định lượng Albumin trong máu. Thành phần : Bromocresol green: 0.21 mmol/l; Succinate Buffer: 100 mmol/l; Sodium Azide: 0.5 g/l</p> <p>Thể tích ≥ 440ml/Hộp</p>	2	Hộp
12	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GGT trong huyết thanh	<p>Thành phần hóa chất R1: Tris buffer (pH 8.25): 125 mmol/l Glycyl Glycine: 125 mmol/l</p> <p>Thành phần hóa chất R2: L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 20 mmol/l</p> <p>Thể tích: (R1: ≥ 88ml+ R2: ≥ 22ml)/Hộp</p>	5	Hộp
13	Thuốc thử định lượng nồng độ Protein	<p>Thành phần chính : Copper II Sulphate: 12 mmol/l Potassium Sodium Tartrate: 31.9 mmol/l Potassium Iodide: 30.1 mmol/l Sodium Hydroxide: 0.6 mol/l.</p> <p>Thể tích ≥ 440ml/Hộp</p>	2	Hộp

14	Thuốc thử định lượng nồng độ Bilirubin trực tiếp	Thành phần hóa chất R1: Sulphanilic Acid: 28.87 mmol/l; HCl: 23 mmol/l Thành phần hóa chất R2: Sodium Nitrite: 2.9 mmol/l Thể tích: (R1: $\geq 264\text{ml}$ + R2: $\geq 66\text{ml}$)/Hộp	2	Hộp
15	Thuốc thử định lượng nồng độ Bilirubin toàn phần	Thành phần hóa chất R1: Sulphanilic Acid: 28.87 mmol/l; HCl: 58.8 mmol/l; Cetrimonium Bromide: 68.6 mmol/l Thành phần hóa chất R2: Sodium Nitrite: 2.90 mmol/l Thể tích: (R1: $\geq 264\text{ml}$ + R2: $\geq 66\text{ml}$)/Hộp	2	Hộp
16	Chất chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa	Dùng để chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Mẫu hiệu chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người. Nồng độ và đặc tính phù hợp để hiệu chuẩn các xét nghiệm hóa học lâm sàng trên máy phân tích hóa học lâm sàng tự động. Thể tích $\geq 12\text{ml}$ /Hộp	10	Hộp
17	Chất kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa	Dùng để kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Điều chế từ huyết thanh của con người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô từ người và động vật. Thể tích: (R1: $\geq 20\text{ml}$ + R2: $\geq 20\text{ml}$)/Hộp	10	Hộp
18	Chất kiểm tra giá trị cao các thông số xét nghiệm sinh hóa	Dùng để kiểm tra giá trị bệnh lý các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Điều chế từ huyết thanh người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô từ người và động vật, được thêm vào một số loại vi khuẩn, dạng đông khô. Thể tích: (R1: $\geq 20\text{ml}$ + R2: $\geq 20\text{ml}$)/Hộp	10	Hộp
19	Chất hiệu chuẩn HDL/LDL	Dùng để hiệu chuẩn các thuốc thử HDL và LDL. Thể tích $\geq 2\text{ml}$ /Hộp	10	Hộp
20	Dung dịch rửa diệt khuẩn Anti bacterial phosphor free detergent	Dung dịch rửa diệt khuẩn Anti bacterial phosphor free detergent Thành phần chính: Detergent < 1.0% Preservative < 10.0% Thể tích $\geq 500\text{ml}$ /Chai	24	Chai
21	Dung dịch rửa có tính axit	Dung dịch rửa có tính axit. Thành phần chính: pH = 1.8 +/- 0.5 Nồng độ 1.03g/ml Thể tích $\geq 500\text{ml}$ /Chai	15	Chai
22	Thuốc thử định lượng nồng độ Creatine Kinase MB	Thành phần Hóa chất R1: Imidazole buffer, pH 6.1: 125 mmol/l Glucose: 25 mmol/l Magnesium acetate: 12.5 mmol/l EDTA: 2 mmol/l N-acetyl-L-cysteine: 25 mmol/l NADP: 2.4 mmol/l Hexokinase: > 6.8 U/ml Anti-CK antibodies (goat) blocking capacity up to: 2000 U/l CK-MM Thành phần Hóa chất R2: ADP: 15.2 mmol/l D-glukoso-6-phosphate-dehydrogenase: > 8.8 U/ml Creatine phosphate: 250 mmol/l. AMP: 25 mmol/l	3	Hộp

		Diadenosine pentaphosphate: 103 μ mol/l Thể tích: (R1: \geq 88ml+ R2: \geq 22ml)/Hộp		
23	Thuốc thử định lượng nồng độ Creatine Kinase	Thành phần Hóa chất R1: Imidazole buffer, pH 6.1: 125 mmol/l Glucose 25 mmol/l Magnesium acetate: 12.5 mmol/l EDTA: 2 mmol/l N-acetylcysteine: 25 mmol/l NADP: 2.4 mmol/l Hexokinase: $>$ 6.8 U/ml Thành phần Hóa chất R2: ADP: 15.2 mmol/l D-glukoso-6-phosphate-dehydrogenase: $>$ 8.8 U/ml Creatine phosphate: 250 mmol/l AMP: 25 mmol/l Diadenosine pentaphosphate: 103 μ mol/l Thể tích: (R1: \geq 88ml+ R2: \geq 22ml)/Hộp	3	Hộp
24	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Microalbumin	Hóa chất kiểm tra cho Chất thử Microalbumin chạy cho máy sinh hoá Thể tích \geq 2ml/Hộp	39	Hộp
25	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Microalbumin	Chất thử Microalbumin Thành phần chính: R1: Tris/HCl buffer: 20 mmol/L, pH 7.4 Polyethylene Glycol: 6%(w/V) NaCl: 150 mmol/L R2: Tris/HCl buffer: 20 mmol/L, pH7.8 Anti (human) albumin: 20% NaCl: 150 mmol/L Thể tích: (R1: \geq 60ml+ R2: \geq 20ml)/Hộp	34	Hộp
26	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Microalbumin	Hóa chất chuẩn cho Chất thử Microalbumin Thể tích \geq 12ml	6	Hộp
27	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinin	Dùng để chẩn đoán định lượng Creatinine trong máu. Thành phần hóa chất R1: Sodium Hydroxide: 240 mmol/l Thành phần hóa chất R2: Picric Acid: 26 mmol/l Thể tích: (R1: \geq 220ml+ R2: \geq 55ml)/Hộp	42	Hộp
28	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP	Thành phần chính: *R1 (Dung dịch đệm): Hỗn hợp nước muối phốt-phát (pH 7,43) Polyethylene glycol 40 g/l Sodium azide (<0,1%) *R2 (Kháng thể): Hỗn hợp nước muối phốt-phát (pH 7,43) Biến thể CRP của dê đa nhân Sodium azide (<0,1%) Thể tích: (R1: \geq 80ml+ R2: \geq 20ml)/Hộp	6	Hộp
29	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP trong máu hoặc huyết tương, huyết thanh. Thể tích: \geq 1ml /Hộp	3	Hộp
30	Chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng CRP nồng độ trung bình	Chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng CRP trong máu hoặc huyết tương, huyết thanh. Nồng độ trung bình. Thể tích: \geq 1ml /Hộp	4	Hộp
31	Chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng CRP nồng độ cao	Chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng CRP trong máu hoặc huyết tương, huyết thanh. Nồng độ cao. Thể tích: \geq 1ml /Hộp	4	Hộp


2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định, đường Phù Nghĩa, Phường Lộc Hạ, Thành phố Nam Định.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong năm 2024-2025.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BGĐ, Khoa Dược-TTBYT-KSNK;
- Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đoàn Trọng Thuyết

Phụ lục: Mẫu báo giá



BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của *Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định*, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục ⁽²⁾	Tên thương mại ⁽³⁾	Thông số kỹ thuật ⁽⁴⁾	Hãng sản xuất ⁽⁵⁾	Nước sản xuất ⁽⁶⁾	Quy cách đóng gói ⁽⁷⁾	Số lượng, khối lượng ⁽⁸⁾	Đơn giá ⁽⁹⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹⁰⁾ (VND)
1	Hàng hoá 1								
2	Hàng hoá 2								
n	...								
Tổng cộng									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về thông số kỹ thuật của hàng hoá)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹¹⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi “danh mục hàng hoá” theo đúng tên đã ghi tại cột “Danh mục hàng hoá” trong **Bảng** của **Yêu cầu báo giá**.

(3), (4), (5), (6), (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Tên thương mại, Thông số kỹ thuật, Hãng sản xuất, nước sản xuất, quy cách đóng gói của từng danh mục hàng hoá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong **Bảng** của **Yêu cầu báo giá**.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hoá (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá. Đơn vị Việt Nam Đồng

(11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.